

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chứng khoán châu Âu, châu Á tăng điểm sau những diễn biến cho thấy khủng hoảng nợ tại châu Âu đang có những chuyển biến tốt. Tại Mỹ, thị trường chứng khoán đóng cửa trong sắc đỏ, cổ phiếu của Cisco mất tới 4,5% do lo ngại những ảnh hưởng bất lợi từ thị trường châu Âu (chiếm 20% doanh thu của tập đoàn).

Cổ phiếu ngành ngân hàng tại thị trường Mỹ đồng loạt giảm điểm sau thông tin Công tố viên trưởng thành phố New York sẽ điều tra 8 ngân hàng (Goldman Sachs, Morgan Stanley, UBS, Citigroup, Credit Suisse, Deutsche Bank, Crédit Agricole and BOA Merrill Lynch) về việc che dấu chất lượng thực của những chứng khoán được rao bán.

Tăng trưởng 0,2% trong quý I/2010, mặc dù cao hơn so với quý IV/2009, kinh tế khối Eurozone hồi phục chậm hơn nhiều so với Mỹ. Hai nền kinh tế lớn nhất châu Âu là Đức và Pháp hồi phục chậm (lần lượt ở mức 0,2% và 0,1%). Dự báo do ảnh hưởng của những chính sách cắt giảm chi tiêu và giảm nợ công của nhiều quốc gia trong khối, năm nay kinh tế khu vực này chỉ tăng trưởng khoảng 0,9%, chậm hơn nhiều so với mức hồi phục 2,8% được dự báo cho kinh tế Mỹ.

Kinh tế Hy Lạp giảm 0,8% trong quý I, thấp hơn nhiều so với dự báo mức giảm 1,4% do hãng Reuters đưa ra. Tuy nhiên với triển vọng kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn không mấy khả quan, và những biện pháp cắt giảm chi tiêu bổ sung, kinh tế nước này được dự báo sẽ tiếp tục giảm trong ít nhất 2 quý tới.

Niềm tin quay trở lại trên thị trường trái phiếu. Sau quyết định của ECB mua lại trái phiếu trên thị trường, niềm tin vào trái phiếu chính phủ tại châu Âu đã phần nào được củng cố. Phiên phát hành ngày 12/5 của Bồ Đào Nha và Đức thành công cho thấy sự quan tâm trở lại của nhà đầu tư. Đây là tín hiệu tốt cho thấy nỗ lực của EU và IMF đã bắt đầu có tác dụng.

Giá đôla lại nhích lên do kỳ vọng về tăng trưởng khối đồng tiền chung euro làm nản lòng giới đầu tư.

Dầu trượt xuống dưới 75 đô la/thùng. Vàng tiếp tục khẳng định là nơi đầu tư an toàn trong thời điểm hiện nay. Ngày 12/5, giá vàng lập đỉnh cao kỷ lục 1.249 đô la/ounce, và tiếp tục giao động quanh mức này.

Thị trường chứng khoán thế giới

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.782,95	-113,96	-1,05
Nasdaq	2.394,36	-30,66	-1,26
S&P 500	1.157,44	-14,23	-1,21
Châu Âu			
FTSE 100	5.433,73	+50,27	+0,93
DAX 30	6.251,97	+68,48	+1,11
CAC 40	3.731,54	-2,33	-0,06
Châu Á			
Nikkei 225	10.620,55	+226,52	+2,18
Hang Seng	20.422,46	+209,97	+1,04
Shanghai	2.710,50	+54,79	+2,06

Thị trường dầu, vàng và dollar

	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	73,94	6:34 pm
Vàng ²	1.236,1	6:34 pm
US dollar index	85,56	5:38 pm

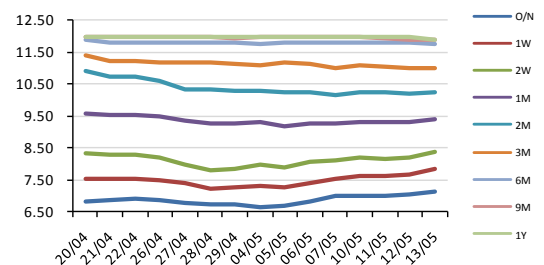
1- Dầu thô nhẹ giao tháng 6 - New York Mercantile Exchange

2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

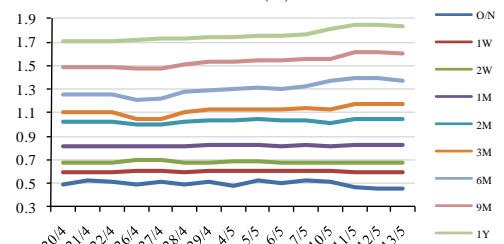
Nguồn: Yahoo Finance

LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG TIỀN ĐỒNG (%)



Nguồn: Thomson Reuters

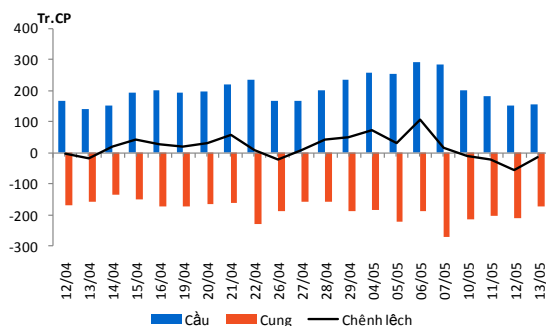
LÃI SUẤT BÌNH QUÂN LIÊN NGÂN HÀNG USD (%)



Nguồn: Thomson Reuters

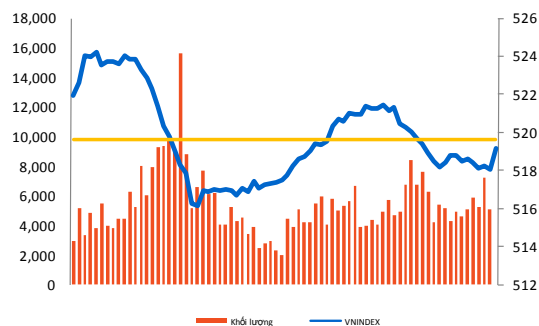
THỐNG KÊ GIAO DỊCH

Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)

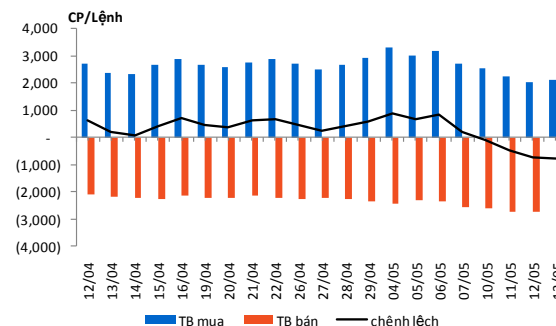


HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	518.93 ↓	-0.67	-0.13%
KLGD (triệu ck)	60.19 ↓	-5.31	-8.10%
GTGD (tỷ đồng)	2,181.57 ↓	-85.22	-3.76%
Tổng cung (triệu ck)	106.00 ↓	-22.32	-17.39%
Tổng cầu (triệu ck)	100.92 ↑	8.25	8.91%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.20 ↓	-1.02	-31.74%
KL bán (triệu ck)	1.03 ↓	-1.92	-65.05%
Giá trị mua (tỷ đồng)	106.12 ↓	-48.35	-31.30%
Giá trị bán (tỷ đồng)	40.57 ↓	-87.67	-68.36%

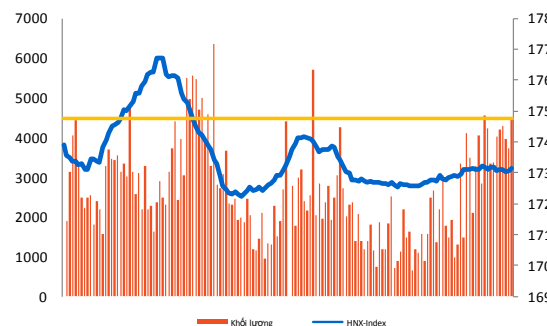


Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)

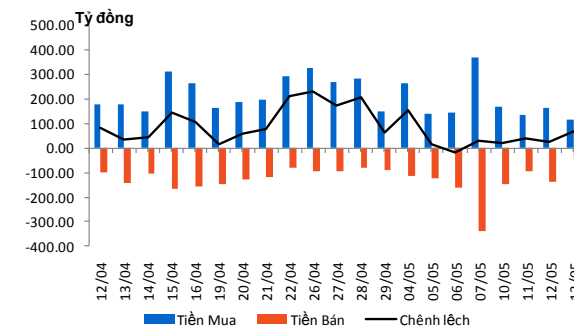


HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	173.16 ↓	-1.58	-0.90%
KLGD (triệu ck)	41.21 ↓	-12.09	-22.69%
GTGD (tỷ đồng)	1,421.45 ↓	-458.66	-24.40%
Tổng cung (triệu ck)	65.83 ↓	-15.09	-18.65%
Tổng cầu (triệu ck)	55.58 ↓	-4.36	-7.27%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.23 ↑	0.07	43.01%
KL bán (triệu ck)	0.11 ↓	-0.23	-68.61%
Giá trị mua (tỷ đồng)	8.48 ↑	0.60	7.61%
Giá trị bán (tỷ đồng)	3.87 ↓	-7.10	-64.73%

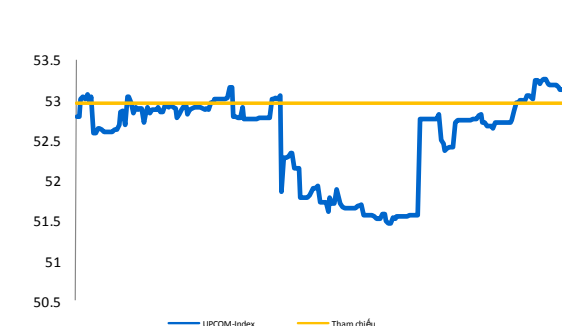


Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	53.20 ↑	0.24	0.45%
KLGD (triệu ck)	0.79 ↑	0.04	5.17%
GTGD (tỷ đồng)	12.92 ↑	1.22	10.41%
Tổng cung (triệu ck)	1.17 ↓	-0.23	-16.67%
Tổng cầu (triệu ck)	1.97 ↑	0.79	66.48%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	-0.03	-100.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.57	-100.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
CTD	138,000	139,000	0.72	172,331
SSI	39,500	39,400	-0.25	114,571
SJS	78,500	81,000	3.18	75,962
OGC	33,300	32,100	-3.60	70,043
MCG	49,000	46,600	-4.90	65,758

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SCD	30,000	31,500	1,500	5.00
ASP	14,300	15,000	700	4.90
DAG	22,600	23,700	1,100	4.87
VNA	23,800	24,900	1,100	4.62
BT6	76,000	79,500	3,500	4.61

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CAD	16,000	15,200	-800	-5.00
PNC	12,000	11,400	-600	-5.00
SEC	36,100	34,300	-1,800	-4.99
TS4	42,200	40,100	-2,100	-4.98
CTI	30,200	28,700	-1,500	-4.97

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
BVH	11,983	CMG	5,132
HSG	9,221	VIC	3,494
PVD	8,267	PVD	2,718
VIC	7,670	HDC	2,702
SJS	5,983	BVH	2,475

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	34,600	32,200	-6.94	206,651
PVA	92,700	86,300	-6.90	75,876
VCG	47,400	47,200	-0.42	63,829
PVL	34,200	33,200	-2.92	48,741
VND	49,000	49,200	0.41	47,762

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
YSC	20,000	21,400	1,400	7.00
SRA	28,600	30,600	2,000	6.99
MIC	94,700	101,300	6,600	6.97
HHC	48,800	52,200	3,400	6.97
PHH	34,500	36,900	2,400	6.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
AMV	18,600	17,300	-1,300	-6.99
VTV	34,400	32,000	-2,400	-6.98
CIC	25,800	24,000	-1,800	-6.98
VSP	60,200	56,000	-4,200	-6.98
MAC	33,000	30,700	-2,300	-6.97

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VSP	2,806	KKC	961
STL	829	SHN	713
PVI	824	BVS	522
VHL	589	VC9	424
SD2	400	RCL	359

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
API	12,700	12,300	-3.15	3,502
VDS	19,200	20,700	7.81	3,383
HDO	18,000	17,900	-0.56	2,458
UDJ	17,100	18,300	7.02	777
ACC	43,200	43,400	0.46	720

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PTP	6,000	6,600	600	10.00
PTH	25,500	28,000	2,500	9.80
TNB	22,500	24,700	2,200	9.78
KMT	17,500	19,200	1,700	9.71
MAS	13,500	14,800	1,300	9.63

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PPP	10,800	9,800	-1,000	-9.26
ABI	10,100	9,300	-800	-7.92
VPC	10,500	9,900	-600	-5.71
NT2	11,700	11,200	-500	-4.27
BMJ	20,700	20,000	-700	-3.38

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	30.9	27,830	→ 0.00	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	33.5	42,220	↑ 2.45	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	11.2	200	↓ -4.27	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	20.4	140	↓ -6.85	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	25.7	66,785	↓ -1.53	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	43.7	19,702	↑ 0.69	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	25.4	6,130	→ 0.00	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	36.9	59,810	↑ 6.96	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	11.2	1,335	↑ 1.82	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	10.9	1,522	↓ -0.91	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	86.3	85,650	↓ -6.90	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	47.1	5,170	↓ -6.92	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	55.0	37,354	↑ 2.80	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	33.4	8,230	↓ -6.96	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	30.0	77,319	↓ -1.96	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	24.1	13,010	↓ -2.03	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	27.3	21,860	↓ -3.87	HNX
PVL	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	33.2	145,120	↓ -2.92	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	35.0	41,160	↓ -5.66	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	15.1	149,354	↓ -4.43	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	32.2	630,160	↓ -6.94	HNX

LỊCH SỰ KIẾN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VDL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty Dược và Trang thiết bị Y tế Quân đội	130	2,899,700	10,000	13/05/2010	Từ 26/04/2010 đến 06/05/2010
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	34.2	1,213,300	10,000	12/05/2010	Từ 19/04/2010 đến 05/05/2010
CTCP Kinh khí hóa lỏng miền Nam	150	6,500,000	25,000	06/05/2010	Từ 8/4/2010 đến 27/4/2010
Xi nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2	78.5	1,771,351	10,200	26/04/2010	Từ 02/04/2010.
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VDL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam	HSX	240.4376	10/05/2010
CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Vinaconex	HNX	20	07/05/2010
CTCP Hưng Đạo Container	HNX	43.04672	07/05/2010
CTCP Portserco	HNX	12	07/05/2010
CTCP Viễn thông – Tin học – Điện tử	HNX	30	06/05/2010
CTCP Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam	HNX	300	06/05/2010
CTCP Chứng khoán Sao Việt	HNX	135	06/05/2010
CTCP Đầu tư Căn nhà mơ ước	HSX	149.9	06/05/2010
CTCP Alphanam Cơ điện	HNX	120	04/05/2010
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HSX	80	04/05/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VDL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Xi măng Tiên Sơn	HNX	29.3614	28/04/2010
CTCP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường	HNX	25	28/04/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Địa ốc Đà Lạt	DLR	HNX	45.00		20/05/201

					0
CTCP Xây dựng 565	NSN	HNX	25.41		20/05/2010
CTCP Đầu tư và Xây dựng Constrexim 8	CX8	HNX	18.59		19/05/2010
CTCP Dược Đồng Nai	DPP	UPCOM	19.85		19/05/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư & Khai thác Công trình Giao thông 584	NTB	HSX	360.00		17/05/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 39343888 (Ext.: 6732)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339